

Số: 21/2025/QĐCNTTLH

Phú Thọ, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của
anh Nguyễn Văn S và chị Đinh Thị H.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung của anh Nguyễn Văn S;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2025 về thuận
tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1977;

Trú tại: Khu L 1, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Khu L1, xã H, huyện Th, tỉnh Phú Thọ cũ)

+ *Người bị kiện:* Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1981;

Trú tại: Khu L 1, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Khu L 1, xã H, huyện Th, tỉnh Phú Thọ cũ)

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được
ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2025 có đủ các
điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2025,
cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn
Văn S và chị Đinh Thị H.

- *Về con chung*: Anh S và chị H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 01/12/2002 và cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 13/8/2008. Hiện nay cháu M đã thành niên, lao động tự lực được nên anh S và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh S và chị H thống nhất thỏa thuận: Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A kể từ tháng 7 năm 2025 đến khi cháu A thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Anh S và chị H không yêu cầu giải quyết.

- *Về các vấn đề khác*: không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã V
(UBND xã T cũ);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

